

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2023/HNGĐ-ST
Ngày 21-12-2023
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Trường;

Ông Đào Quốc Kiểng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 232/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị T1, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 16, xã N, huyện U, tỉnh C ..

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm: 1975 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 16, xã N, huyện U, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2023 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị T1 trình bày: Bà với ông T2 chung sống với vào năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thì bà với ông T2 xảy ra mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, ông T2 có tính gia trưởng, dẫn đến cự cãi ông T2 nhiều lần hành hung, đánh chửi, đuổi xô bà. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và trầm trọng không thể hàn gắn. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông T2, không còn tình cảm với ông T2 nên yêu cầu ly hôn với ông T2.

Về con chung vợ chồng có 02 con chung tên Huỳnh Thanh Hiền, sinh năm 1996, Huỳnh Thanh Mai, sinh năm 2002, con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu. Về tài sản tự thỏa thuận chia; Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn T2 trình bày: Về hôn nhân ông với bà T1 chung sống với nhau tự nguyện, ông nhớ có đăng ký kết hôn nhưng do quá lâu và không tìm thấy giấy chứng nhận kết hôn nên ông cũng không xác định được, chỉ nhớ làm đăng ký kết hôn khi con đi học. Nhưng Ủy ban xã xác nhận không đăng ký kết hôn thì ông cũng không có ý kiến. Bà T1 yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý ly hôn. Về con chung có hai con chung đã trưởng thành, con trai có gia đình còn con gái thì đang làm công nhân tại Bình Dương. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Nợ chung: Không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Bùi Thị T1 và ông Huỳnh Văn T2 được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà Bùi Thị T1 và ông Huỳnh Văn T2 tự nguyện chung sống với nhau, không đăng ký kết hôn theo quy định nên quan hệ hôn nhân của bà Bùi Thị T1 và ông Huỳnh Văn T2 không được pháp luật bảo vệ. Tại phiên tòa, bà T1 xác định không thể tiếp tục chung sống với ông T2 và vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Ông T2 đồng ý ly hôn với bà T1.

Xét thấy, bà T1 và ông T2 chung sống nhưng không đăng ký kết hôn, có yêu cầu ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà T1 và ông T2 là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thanh Hiền, sinh năm 1996 và Huỳnh Thanh Mai, sinh năm 2002. Xét thấy các con chung đã trưởng thành, bà T1 và ông T2 cùng xác định các con chung đã có gia đình riêng và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà T1, ông T2 xác định không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Bùi Thị T1 phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị T1 và ông Huỳnh Văn T2 là vợ chồng.

- Về con chung: có 02 con chung tên Huỳnh Thanh Hiền, sinh năm 1996, Huỳnh Thanh Mai, sinh năm 2002 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Bùi Thị T1 phải chịu 300.000 đồng. Bà Bùi Thị T1 đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 000105 ngày 26/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C được chuyển thu án phí.

- **Đương sự có mặt** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng